

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH
KSH DEVELOPMENT AND INVESTMENT
JOINT STOCK COMPANY

Số/No. 260402.1/2019/CV
V/v: CBTT BCTC riêng quý 1/2019 kèm giải trình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2019
Hanoi, day 26 month 4 year 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NƯỚC VÀ SGDC TP.HCM

DISCLOSURE OF INFORMATION
ON THE STATE SECURITIES
COMMISSION'S PORTAL AND HOCHIMINH
STOCK EXCHANGE'S PORTAL

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Hochiminh Stock Exchange

- Tên tổ chức / Organization name: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH
- Mã chứng khoán/ Security Symbol: KSH
- Địa chỉ trụ sở chính/ Address: Số 99 An Trạch, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại/ Telephone: 024 3936 4695
- Người thực hiện công bố thông tin/ Submitted by: Hoàng Văn Long
- Chức vụ/ Position: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc

Loại thông tin công bố : Định kỳ Bất thường 24h Theo yêu cầu
Information disclosure type: Periodic Irregular 24 hours On demand

Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*):

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng Quý 1/2019 kèm giải trình.

Đối với trường hợp thay đổi, thay thế thông tin đã công bố, cần nêu rõ nguyên nhân thay đổi hoặc thay thế.

In case the company accurates or replaces information(s) that were disclosed. Company shall make a reason for the replacement or correction.

Lý do/ Reason:

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 26/4/2019 tại đường dẫn: <http://ksh.com.vn/>

This information was disclosed on Company Potral on date 26/4.../2019 Available at: <http://ksh.com.vn/>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Tài liệu đính kèm/
Attachment:

- BCTC riêng quý 1/2019;
- CV giải trình.

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người được ủy quyền CBTT



CHỦ TỊCH HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Văn Long

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH
Số: 2493/2019/CV

V/v: Giải trình về KQKD BCTC riêng quý I/2019

Hà Nội, ngày 26... tháng ... năm 2019

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh
- Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển KSH

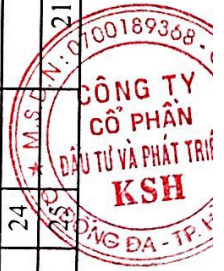
Tên tổ chức:
Mã chứng khoán:
Trụ sở chính:
Điện thoại:

KSH
Số 99 An Trạch, P.Quốc Tử Giám, Q.Đống Đa, Tp.Hà Nội
024. 39364695

Căn cứ vào Mục 3 Điều 11 Chương III của Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc giải trình Báo cáo tài chính Quý I/2019 do lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa Báo cáo tài chính quý I/2019 so với Báo cáo tài chính quý I/2018 có biến động trên 10%. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH xin giải trình như sau:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý I/2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH lỗ (211.255.115) VND giảm (463.373.656) VND so với Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý I/2019 lãi 252.118.541 VND, là do các nguyên nhân sau:

	Mã số	TM	Quý I		So sánh	
			Năm 2019	Năm 2018	Chênh lệch	% CL
1	01	VI.1	131,800,000	18,562,500,000	(18,430,700,000)	-99.29%
2	02		0	0		
3.	10		131,800,000	18,562,500,000	(18,430,700,000)	-99.29%
4	11	VI.2	126,528,000	18,125,000,000	(17,998,472,000)	-99.30%
5.	20		5,272,000	437,500,000	(432,228,000)	-98.79%
6	21	VI.3	8,764	123,294,399	(123,285,635)	-99.99%
7	22	VI.4				
	23					
	24					
8	25					
9	26		215,788,105	245,646,223	(29,858,118)	-12.15%



10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(210,507,341)	315,148,176	(525,655,517)	-166.80%
11	Thu nhập khác	31	VI.5				
12	Chi phí khác	32	VI.6	747,774		747,774	
13.	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(747,774)		(747,774)	
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(211,255,115)	315,148,176	(526,403,291)	-167.03%
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7		63,029,635	(63,029,635)	-100.00%
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(211,255,115)	252,118,541	(463,373,656)	-183.79%
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(3.67)	4.38	(8)	-183.79%

Giải trình: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý I/2019 của Công ty Cổ phần Dầu tư và Phát triển KSH giảm (463.373.656) VND tương đương 183.79% do các nguyên nhân sau:

- Trong quý I/2019, Công ty thực hiện chuyển hướng kinh doanh, do chiến lược kinh doanh và mặt hàng kinh doanh mới nên số lượng khách hàng chưa nhiều, dẫn tới doanh thu giảm so với cùng kỳ năm trước.
- Chi quản lý tăng cường nhân sự mới, chi phí lương tăng thêm.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu KT-TH



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

QUÝ I - NĂM 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Quý I Năm 2019
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Mẫu số B 01a - DN
Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		143,972,966,892	147,668,764,307
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		479,240,852	69,371,728
1. Tiền	111	V.1	479,240,852	69,371,728
2. Các khoản tương đương tiền	112			
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		143,160,809,864	147,127,002,220
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	109,600,000	109,600,000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	2,962,852,220	972,852,220
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4		
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	140,088,357,644	146,044,550,000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV- Hàng tồn kho	140		267,812,000	394,340,000
1. Hàng tồn kho	141		267,812,000	394,340,000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		65,104,176	78,050,359
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a		
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		65,104,176	78,050,359
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		445,083,842,863	441,567,817,452
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		63,690,000	63,690,000
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.7	63,690,000	63,690,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II- Tài sản cố định	220		0	0
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	0	0
- Nguyên giá	222	V.6	41,544,364	41,544,364
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41,544,364)	(41,544,364)
V- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		445,000,000,000	441,496,275,203
1. Đầu tư vào công ty con	251		445,000,000,000	445,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.8		
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254			(3,503,724,797)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI- Tài sản dài hạn khác	260		20,152,863	7,852,249
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	20,152,863	7,852,249
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		589,056,809,755	589,236,581,759

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Quý I Năm 2019

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Mẫu số B 01a - DN

Đơn vị tính: VND

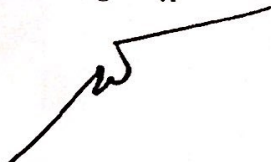
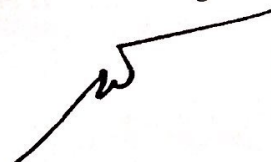
Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		57,692,566	26,209,455
I- Nợ ngắn hạn	310		57,692,566	26,209,455
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	22,000	968
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9a		
4. Phải trả người lao động	314			
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10		
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	57,670,566	26,208,487
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
II- Nợ dài hạn	330		0	0
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		588,999,117,189	589,210,372,304
I- Vốn chủ sở hữu	410	V.11	588,999,117,189	589,210,372,304
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		575,096,750,000	575,096,750,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		575,096,750,000	575,096,750,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13,902,367,189	14,113,622,304
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		14,113,622,304	13,866,060,650
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(211,255,115)	247,561,654
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		589,056,809,755	589,236,581,759

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT


Hoàng Văn Long

Nguyễn Minh Đức

Nguyễn Minh Đức

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý I Năm 2019

Mẫu số B 02a - DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I.2019		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Quý I.2019	Quý I.2018	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	131,800,000	18,562,500,000	131,800,000	18,562,500,000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		131,800,000	18,562,500,000	131,800,000	18,562,500,000
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	126,528,000	18,125,000,000	126,528,000	18,125,000,000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		5,272,000	437,500,000	5,272,000	437,500,000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8,764	123,294,399	8,764	123,294,399
7. Chi phí tài chính	22	VI.4				
Trong đó: chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5				
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	215,788,105	245,646,223	215,788,105	245,646,223
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(210,507,341)	315,148,176	(210,507,341)	315,148,176
11. Thu nhập khác	31					
12. Chi phí khác	32		747,774		747,774	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(747,774)	0	(747,774)	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(211,255,115)	315,148,176	(211,255,115)	315,148,176
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6		63,029,635		63,029,635
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(211,255,115)	252,118,541	(211,255,115)	252,118,541
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(3.67)	4.38	(3.67)	4.38
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

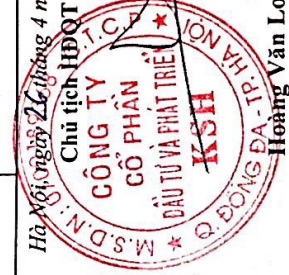
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Đức

Nguyễn Minh Đức

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2019



Hoàng Văn Long

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Quý I Năm 2019

Mẫu số B 03a - DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		144,988,764	38,795,970,955
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(36,918,661)	(34,587,169,804)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(141,957,700)	(435,303,796)
4. Tiền lãi vay đã trả	04			(16,249,100)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05			(66,174,612)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5,450,000,000	148,528,657,312
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5,006,243,279)	(220,588,765,007)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		409,869,124	(68,369,034,052)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			10,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(397,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			460,561,750,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30			73,561,750,000
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			600,000,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34			(5,800,000,000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			(5,200,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		409,869,124	(7,284,052)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		69,371,728	76,655,780
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70		479,240,852	69,371,728

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2019

Người lập biểu

Nguyễn Minh Đức

Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Đức



Hoàng Văn Long

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Địa chỉ: Số 99 An Trạch, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Kinh doanh hàng hóa nông sản, mỹ phẩm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài Nguyên Sapa	Số 58, tổ 7, phố Cầu Mây, thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai	Bán buôn nông sản và vật liệu xây dựng	80%	80%	80%
Công ty TNHH Thương mại xăng dầu Đại Việt	Số 13 Phan Huy Chú, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	Mua bán thép và dầu nhớt động cơ	82%	82%	82%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vạn Cát	Khu nhà ở đô thị Vạn Cát, đường Phạm Văn Đồng, phường Tích Sơn, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Xây dựng công trình, kinh doanh bất động sản	90%	90%	90%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 4 nhân viên đang làm việc .

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Địa chỉ: Số 99 An Trạch, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Địa chỉ: Số 99 An Trạch, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Địa chỉ: Số 99 An Trạch, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Công ty là phương tiện vận tải, truyền dẫn, có thời gian khấu hao là 03 năm.

7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

8. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

9. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định,

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Địa chỉ: Số 99 An Trạch, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

14. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Địa chỉ: Số 99 An Trạch, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	439.129.513	57.528.305
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	40.111.339	11.843.423
Cộng	<u>479.240.852</u>	<u>69.371.728</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Đầu tư vào công ty con</i>	<i>445.000.000.000</i>		<i>445.000.000.000</i>	
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài Nguyên Sapa ⁽ⁱ⁾	60.000.000.000		60.000.000.000	
Công ty TNHH Thương mại xăng dầu Đại Việt ⁽ⁱⁱ⁾	196.000.000.000		196.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vạn Cát ⁽ⁱⁱⁱ⁾	189.000.000.000		189.000.000.000	
Cộng	<u>445.000.000.000</u>		<u>445.000.000.000</u>	

(i) Công ty Cp Đầu Tư Tài Nguyên Sapa là 60.000.000.000 VND, tương đương 80% vốn điều lệ

(ii) Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại xăng dầu Đại Việt 196.000.000.000 VND, tương đương 82% vốn điều lệ.

(iii) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần và Xây dựng Vạn Cát 189.000.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm		
Trích lập dự phòng		
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối năm		

*Giá trị hợp lý**Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết***3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH AJMAL Việt Nam	109.600.000	109.600.000
Cộng	<u>109.600.000</u>	<u>109.600.000</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>866.852.220</i>	<i>866.852.220</i>
Công ty TNHH ACE.LK	866.852.220	866.582.220
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>2.000.000.000</i>	
Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng Thương mại Hoàng Tiến ^(*)	2.000.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Địa chỉ: Số 99 An Trạch, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp khác	96.000.000	106.270.000
Cộng	2.962.852.220	972.852.220
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác		
5a. Phải thu ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu bên liên quan	140.044.000.000	146.044.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư tài nguyên Sapa - Phí kiểm toán báo cáo tài chính	44.000.000	44.000.000
Công ty TNHH ACE.LK	140.000.000.000	140.000.000.000
<i>Phải thu về tiền đặt cọc tiền mua nhà⁽ⁱ⁾</i>	<i>110.000.000.000</i>	<i>110.000.000.000</i>
<i>Đặt cọc làm đại lý độc quyền phân phối nước hoa⁽ⁱⁱ⁾</i>	<i>30.000.000.000</i>	<i>30.000.000.000</i>
<i>Tạm ứng</i>		<i>6.000.000.000</i>
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	550.000	550.000
Ký cược, ký quỹ	550.000	550.000
Phải thu khác	43.807.644	
Cộng	140.088.357.644	146.044.550.000

(i) Khoản đặt cọc theo hợp đồng đặt cọc số 0306/2018/HĐĐC-KSH ngày 20 tháng 6 năm 2018 để đảm bảo giao kết và thực hiện việc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 99 An Trạch, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp của Công ty TNHH ACE.LK theo 04 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, điều khoản như sau: Tại thời điểm ký kết hợp đồng, Công ty phải đặt cọc 120.000.000.000 VND để đảm bảo giao kết và thực hiện hợp đồng.

Tại ngày 28 tháng 12 năm 2018 hai bên ký kết biên bản thanh lý hợp đồng đặt cọc do không thương lượng được giá mua bán. Công ty TNHH ACE.LK sẽ chuyển lại số tiền đã nhận trong thời gian từ tháng 12 năm 2018 đến hết tháng 8 năm 2019. Công ty được đặt văn phòng tại tòa nhà 99 An Trạch mà không phải trả phí trong thời hạn 5 năm (từ năm 2019 – 2023).

(ii) Khoản đặt cọc theo hợp đồng số 0206/2018/ACE-KSH ngày 20 tháng 6 năm 2018 để đảm bảo quyền được phân phối độc quyền nhãn hàng tinh dầu, nước hoa Ajmal Fubai.

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản cầm cố, ký quỹ ký cược dài hạn.

6. Hàng tồn kho

Là lọ nước hoa, tinh dầu còn tồn kho.

7. Chi phí trả trước dài hạn

Là công cụ, dụng cụ còn phải phân bổ.

8. Tài sản cố định hữu hình

Là phương tiện vận tải truyền dẫn

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	41.544.364	40.390.350	1.154.014
Khấu hao trong kỳ		1.154.014	(1.154.014)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Địa chỉ: Số 99 An Trạch, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Là phương tiện vận tải truyền dẫn	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại	
Số cuối kỳ	41.544.364	41.544.364		
9. Phải trả người bán ngắn hạn				
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	
Sở giao dịch chứng khoán - thành phố Hồ Chí Minh		22.000	968	
Cộng		22.000	968	
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Số phải nộp	Số đã thực nộp	
	Phải nộp			Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa				
Thuế thu nhập doanh nghiệp				
Các loại thuế khác				
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		3.000.000	3.000.000	
Cộng		3.000.000	3.000.000	

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Địa chỉ: Số 99 An Trạch, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(211.255.115)	(541.178.027)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	(211.255.115)	(541.178.027)
Thu nhập tính thuế	(211.255.115)	(541.178.027)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp		

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

11. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	45.112.485	21.006.374
Bảo hiểm y tế	8.072.075	3.601.463
Bảo hiểm thất nghiệp	3.588.805	1.600.650
Phải trả khác	897.201	
Cộng	57.670.566	26.208.487

12. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng		

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

Số đầu năm

Số tiền vay phát sinh

Số tiền vay đã trả

Số cuối kỳ

13. Vốn chủ sở hữu**13a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Địa chỉ: Số 99 An Trạch, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	575.096.750.000	13.866.060.650	588.962.810.650
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền		247.561.654	247.561.654
Lợi nhuận trong năm trước		247.561.654	247.561.654
Số dư cuối năm trước	575.096.750.000	14.113.622.304	589.210.372.304
Số dư đầu năm nay	575.096.750.000	14.113.622.304	589.210.372.304
Lợi nhuận trong năm nay		(211.255.115)	(211.255.115)
Số dư cuối năm nay	575.096.750.000	13.902.367.189	588.999.117.189

13b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57.509.675	57.509.675
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	57.509.675	57.509.675
- Cổ phiếu phổ thông	57.509.675	57.509.675
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.509.675	57.509.675
- Cổ phiếu phổ thông	57.509.675	57.509.675
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Địa chỉ: Số 99 An Trạch, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Quý I/2019</u>	<u>Quý I/2018</u>
Doanh thu bán thanh long		18.562.500.000
Doanh thu bán tinh dầu, nước hoa	131.800.000	
Doanh thu bán bao PP		
Doanh thu bán nắm hương, mộc nhĩ		
Cộng	<u>131.800.000</u>	<u>18.562.500.000</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý I/2019</u>	<u>Quý I/2018</u>
Giá vốn bán thanh long		18.125.000.000
Giá vốn bán tinh dầu, nước hoa	126.528.000	
Giá vốn bán bao PP		
Giá vốn nắm hương, mộc nhĩ		
Cộng	<u>126.528.000</u>	<u>18.125.000.000</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý I/2019</u>	<u>Quý I/2018</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	8.764	
Lãi tiền cho vay		123.294.399
Lãi từ đầu tư vốn		
Cộng	<u>8.764</u>	<u>123.294.399</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý I/2019</u>	<u>Quý I/2018</u>
Dự phòng đầu tư tài chính		
Phí chuyển tiền ngân hàng		
Cộng	<u></u>	<u></u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý I/2019</u>	<u>Quý I/2018</u>
Chi phí cho nhân viên	176.440.900	148.735.362
Chi phí đồ dùng văn phòng		2.424.844
Chi phí khấu hao tài sản cố định		1.154.014
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	165.000	89.332.003
Các chi phí khác	36.182.205	
Cộng	<u>215.788.105</u>	<u>245.646.223</u>

6. Chi phí khác

Là khoản bị phạt chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính.

7. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Địa chỉ: Số 99 An Trạch, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Quý I/2019</u>	<u>Quý I/2018</u>
Chi phí nguyên vật liệu		
Chi phí nhân công		
Chi phí khấu hao tài sản cố định		
Chi phí dịch vụ mua ngoài		
Chi phí khác		
Cộng		

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 390.325.964 VND (năm trước là 168.408.497 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài Nguyên Sapa

Công ty TNHH ACE.LK

Công ty Cổ phần Intersenco VCI

Công ty Cổ phần SBCORP Việt Nam

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế GCS Việt Nam

Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn IR Việt Nam

Công ty Cổ phần Trái cây xuất nhập khẩu CIAO

*Giao dịch với các bên liên quan khác***Mối quan hệ**

Công ty con

Bên liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bên liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bên liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị

Bên liên quan của Thành viên Ban kiểm soát

Bên liên quan của Thành viên Ban kiểm soát

Bên liên quan của Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Địa chỉ: Số 99 An Trạch, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH ACE.LK		
Đặt cọc tiền mua nhà	120.000.000.000	
Thu lại tiền đặt cọc mua nhà	10.000.000.000	
Đặt cọc làm đại lý độc quyền phân phối nước hoa	30.000.000.000	
Cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH sử dụng văn phòng tại địa chỉ 99 An Trạch, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội không thu tiền		
Ông Nguyễn Đức Hùng		

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.4 và V.6.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh hàng hóa nông sản, mỹ phẩm và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Minh Đức

Nguyễn Minh Đức

Hoàng Văn Long

